

Số: 47/2021/QĐST-HNGĐ

Đơn Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Ka D, sinh năm 1994; địa chỉ: số 185, thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Kơ Să Ya T, sinh năm 1989; địa chỉ: số 159, thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ka M, sinh năm 1965, cư trú tại: số 164, thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/3/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ka D và ông Kơ Să Ya T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka D và ông Kơ Să Ya T thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Các bên thoả thuận giao con chung Pang Kao Ka Be T, sinh ngày 28/4/2012 cho bà Ka D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Ông Kơ Să Ya T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung

1.000.000đ/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2021.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

2.5. Về án phí: Bà Ka D thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Ka D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002791 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Tu Tra, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân